

Số: *10* /2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *12* tháng *4* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ
Xe đạp, xe máy, mô tô, ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật giá; Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 132/TTr-STC ngày 21/3/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, mô tô, ô tô (sau đây gọi là phương tiện) đối với người sử dụng phương tiện có nhu cầu trông giữ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ (gồm các điểm đỗ, bãi trông giữ do Nhà nước đầu tư và các điểm đỗ, bãi trông giữ không do Nhà nước đầu tư) phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người sử dụng phương tiện được cung ứng dịch vụ trông giữ phương tiện.
- b) Tổ chức, cá nhân được cấp phép kinh doanh dịch vụ trông giữ phương tiện.

c) Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức thực hiện trông giữ phương tiện theo quy định.

Điều 2. Một số quy định chung

1. Mức giá dịch vụ trông giữ phương tiện quy định nêu trên là mức giá tính cho một lượt phương tiện (là một lần phương tiện vào và ra tại điểm trông giữ phương tiện).

2. Thời gian ban ngày là từ 06 giờ 00 đến 18 giờ 00, thời gian ban đêm là từ sau 18 giờ 00 ngày hôm trước đến 06 giờ 00 ngày hôm sau.

Điều 3. Quy định mức giá dịch vụ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư

1. Mức giá dịch vụ vào ban ngày

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá đã bao gồm thuế VAT
1	Đối với các điểm, bãi trông giữ phương tiện tại các bệnh viện, trường học, chợ, trung tâm thương mại		
a	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt/xe	1.000
b	Xe máy, xe mô tô	đồng/lượt/xe	2.000
c	Ô tô các loại		
	- Xe ô tô chở người dưới 15 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/lượt/xe	12.000
	- Xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/lượt/xe	18.000
2	Đối với các điểm, bãi trông giữ xe tại các điểm tham quan; các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, khu du lịch, các điểm vui chơi công cộng		
a	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt/xe	2.000
b	Xe máy, xe mô tô	đồng/lượt/xe	4.000
c	Ô tô các loại		
	- Xe ô tô chở người dưới 15 chỗ ngồi	đồng/lượt/xe	20.000
	- Xe ô tô chở người từ 15 đến 30 chỗ ngồi	đồng/lượt/xe	30.000
	- Xe ô tô chở người từ 31 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt/xe	40.000

2. Mức giá dịch vụ vào ban đêm: tối đa bằng 1,5 lần mức giá dịch vụ vào ban ngày quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức giá dịch vụ cả ngày và đêm: tối đa bằng mức giá dịch vụ ban ngày cộng với mức giá dịch vụ vào ban đêm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp thu theo tháng, mức giá dịch vụ tối đa bằng 40 (bốn mươi) lần mức thu giá dịch vụ ban ngày quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư, nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuê quản lý thì mức thu giá dịch vụ vẫn thực hiện theo mức thu giá dịch vụ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 4. Quy định mức giá dịch vụ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng không do Nhà nước đầu tư

Mức giá dịch vụ trông giữ phương tiện tại các điểm đỗ, bãi trông giữ không do Nhà nước đầu tư tối đa bằng 1,5 lần mức thu giá dịch vụ quy định đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 quy định này. Trên cơ sở mức giá tối đa nêu trên; tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trông giữ phương tiện quy định mức giá dịch vụ trông giữ cụ thể từng loại phương tiện.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan

1. Các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ trông giữ phương tiện chịu trách nhiệm thực hiện:

a) Thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định.

b) Đảm bảo an toàn, phù hợp với quy hoạch và quy định về trật tự đô thị tại địa phương tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện.

c) Thực hiện niêm yết công khai mức giá dịch vụ tại điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện theo mức giá dịch vụ quy định nêu trên và tổ chức thu theo đúng giá niêm yết.

d) Cung cấp đầy đủ hóa đơn cho người sử dụng dịch vụ trông giữ phương tiện theo quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

đ) Thực hiện nghĩa vụ thuế với cơ quan Thuế theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện:

a) Chỉ đạo các phòng, Ban, địa phương liên quan tăng cường công tác tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về kê khai giá và niêm yết giá dịch vụ trông giữ phương tiện.



b) Thực hiện giải tỏa các điểm trông giữ phương tiện không phép, sai quy định, vi phạm an toàn và vi phạm về việc thu mức giá dịch vụ trông giữ phương tiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân trông giữ phương tiện, xử lý nghiêm các vi phạm theo thẩm quyền.

3. Các Sở: Y tế, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về trông giữ phương tiện, xử lý nghiêm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về mức thu giá dịch vụ, các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về quy định giá dịch vụ trông giữ phương tiện; theo dõi, tổng hợp, báo cáo các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tham mưu trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2017.

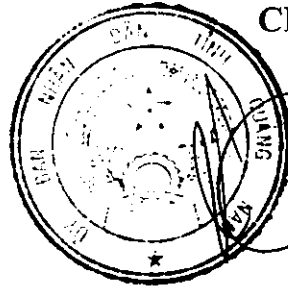
Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /k

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTVB QPPL Bộ Tư pháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VPTU, VP UBND, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH QNam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, VX, NC, KTN, KTTH, HCTC.

E:\Le Dang Quang KTTTH\Dropbox\cong van di\2017\hang 4\Quyết định\10-4-2017 QĐ
Xem máy.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu